



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



---

Tháng 10 năm 2018

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+150+190)</b>	<b>100</b>		<b>1,200,396,994,935</b>	<b>1,165,225,203,189</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>139,292,287,753</b>	<b>288,666,117,694</b>
1. Tiền	111		139,292,287,753	273,666,117,694
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>274,737,145,179</b>	<b>482,348,485,456</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		278,888,283,609	482,626,985,996
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4,151,138,430)	(278,500,540)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>438,193,573,214</b>	<b>155,186,416,992</b>
1. Phải thu khách hàng	131		177,303,165,567	150,519,202,402
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	120,779,843,884	87,838,397,055
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	56,523,321,683	62,680,805,347
2. Trả trước cho người bán	132		3,850,522,670	1,844,490,800
3. Các khoản phải thu khác	135	9	294,719,064,192	40,264,874,166
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(37,679,179,215)	(37,442,150,376)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19,916,646,834</b>	<b>17,760,672,282</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	19,916,646,834	17,759,875,001
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		17,712,096,177	16,259,042,027
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		2,204,550,657	1,500,832,974
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	797,281
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>12</b>	<b>328,257,341,955</b>	<b>221,263,510,765</b>
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		128,567,277,081	97,305,273,933
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		199,690,064,874	123,958,236,832
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200=210+220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>633,320,672,834</b>	<b>516,712,903,605</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11,030,410,634</b>	<b>10,353,473,938</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	11,030,410,634	10,353,473,938
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		4,030,410,634	3,353,473,938
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6,020,696,527</b>	<b>7,403,211,853</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5,630,187,604	6,926,689,093
<i>Nguyên giá</i>	222		21,970,532,919	22,519,137,136
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16,340,345,315)	(15,592,448,043)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	390,508,923	476,522,760
<i>Nguyên giá</i>	228		1,750,350,000	1,750,350,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,359,841,077)	(1,273,827,240)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>613,166,130,363</b>	<b>493,883,696,384</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		55,550,000,000	55,550,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		557,993,694,884	438,333,696,384
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(377,564,521)	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3,103,435,310</b>	<b>5,072,521,430</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3,103,435,310	5,072,521,430
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1,833,717,667,769</b>	<b>1,681,938,106,794</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**  
Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,046,495,281,877</b>	<b>855,720,229,185</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,046,327,471,877</b>	<b>855,014,748,492</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	79,546,608,317
2. Phải trả cho người bán	312		161,406,184,044	119,679,875,262
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	160,870,703,078	114,533,985,348
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		535,480,966	5,145,889,914
3. Người mua trả tiền trước	313		9,038,710,405	7,485,016,730
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	7,647,413,933	10,218,760,868
5. Phải trả người lao động	315		8,011,319,419	17,365,403,096
6. Chi phí phải trả	316		31,529,131	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	18,468,439,513	2,011,916,646
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	32,670,691,346	24,685,533,444
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		449,635,336	237,751,113
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	808,603,548,750	593,783,883,016
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		435,272,439,933	331,353,087,008
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		329,050,711,772	222,800,122,138
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		44,280,397,045	39,630,673,870
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>167,810,000</b>	<b>705,480,693</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		6,000,000	1,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		161,810,000	704,480,693
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>787,222,385,892</b>	<b>826,217,877,609</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>787,222,385,892</b>	<b>826,217,877,609</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	800,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		10,985,112,079	10,985,112,079
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(23,762,726,187)	15,232,765,530
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1,833,717,667,769</b>	<b>1,681,938,106,794</b>

*Nguyễn Thị Quỳnh Trang*

Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2018

*Nguyễn Hoàng Mai*

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Trọng Dũng*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Quý 3 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018*

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

*Đơn vị: VND*

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Quý 3 năm 2018</b>	<b>Quý 3 năm 2017</b>	<b>Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2018</b>	<b>Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2017 (Phân loại lại)</b>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	149,254,361,661	114,902,444,941	436,384,136,775	306,055,480,708
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	29,439,587,251	15,336,183,760	59,653,571,499	46,078,661,432
3. Thu nhập khác	13	141,918,150	73,906,407	566,064,179	743,185,904
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	149,499,274,726	109,469,278,518	446,857,350,330	305,144,862,308
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	(834,773,871)	2,026,566,870	10,549,582,618	2,836,562,300
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	20,256,797,378	18,095,517,753	62,834,952,814	51,703,773,355
7. Chi phí khác	24	77,364,277	69,433,388	124,612,878	290,883,904
<b>8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế</b> (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	<b>50</b>	<b>9,837,204,552</b>	<b>651,738,579</b>	<b>(23,762,726,187)</b>	<b>(7,098,753,823)</b>
<b>9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50)</b> (60 = 50)	<b>60</b>	<b>9,837,204,552</b>	<b>552,883,293</b>	<b>(23,762,726,187)</b>	<b>(7,197,609,109)</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Quý 3 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**  
Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2018	Quý 3 năm 2017	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2018	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2017 (Phân loại lại)
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>190,765,321,171</b>	<b>149,188,881,161</b>	<b>554,993,884,343</b>	<b>406,881,802,543</b>
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		217,971,353,923	157,167,650,618	633,243,149,469	439,752,370,439
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		4,615,180,541	6,145,510,245	25,670,087,799	25,146,453,747
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		31,821,213,293	14,124,279,702	103,919,352,925	58,017,021,643
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>57,057,187,156</b>	<b>43,635,268,581</b>	<b>162,678,902,190</b>	<b>126,284,025,380</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		68,494,639,155	47,189,754,602	193,940,905,338	135,915,274,973
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		11,437,451,999	3,554,486,021	31,262,003,148	9,631,249,593
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)</b>	<b>03</b>		<b>133,708,134,015</b>	<b>105,553,612,580</b>	<b>392,314,982,153</b>	<b>280,597,777,163</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>15,546,227,646</b>	<b>9,348,832,361</b>	<b>44,069,154,622</b>	<b>25,457,703,545</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		15,441,227,646	8,900,448,221	43,202,551,183	24,968,851,794
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		105,000,000	448,384,140	866,603,439	488,851,751
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>149,254,361,661</b>	<b>114,902,444,941</b>	<b>436,384,136,775</b>	<b>306,055,480,708</b>
<b>6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)</b>	<b>11</b>		<b>71,886,340,498</b>	<b>41,502,992,854</b>	<b>201,119,918,702</b>	<b>127,449,349,242</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		71,886,340,498	41,502,992,854	201,119,918,702	127,449,349,242
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>20,918,424,597</b>	<b>6,635,025,900</b>	<b>59,637,989,508</b>	<b>35,687,043,998</b>
<b>8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>		<b>897,297,097</b>	<b>10,642,228,574</b>	<b>106,250,589,634</b>	<b>28,286,731,944</b>
<b>9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>(1,597,347,069)</b>	<b>6,944,294,337</b>	<b>75,731,828,042</b>	<b>1,109,375,925</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>15</b>	<b>22</b>	<b>53,462,560,067</b>	<b>38,565,901,191</b>	<b>172,000,690,786</b>	<b>118,939,661,263</b>
<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối</b>	<b>16</b>		<b>1,540,918,901</b>	<b>1,161,234,018</b>	<b>4,649,723,175</b>	<b>3,289,862,811</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>17</b>	<b>23</b>	<b>94,495,795,758</b>	<b>69,742,143,309</b>	<b>270,206,936,369</b>	<b>182,915,338,234</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		7,133,986,812	6,658,679,544	25,439,456,598	20,734,229,108
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		87,361,808,946	63,083,463,765	244,767,479,771	162,181,109,126
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)</b>	<b>18</b>		<b>149,499,274,726</b>	<b>109,469,278,518</b>	<b>446,857,350,330</b>	<b>305,144,862,308</b>
<b>14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)</b>	<b>19</b>		<b>(244,913,065)</b>	<b>5,433,166,423</b>	<b>(10,473,213,555)</b>	<b>910,618,400</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Quý 3 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**  
 Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2018	Quý 3 năm 2017	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2018	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2017 (Nhân loại lại)
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	29,439,587,251	15,336,183,760	59,653,571,499	46,078,661,432
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	(834,773,871)	2,026,566,870	10,549,582,618	2,836,562,300
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>30,274,361,122</b>	<b>13,309,616,890</b>	<b>49,103,988,881</b>	<b>43,242,099,132</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	20,256,797,378	18,095,517,753	62,834,952,814	51,703,773,355
<b>19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>9,772,650,679</b>	<b>647,265,560</b>	<b>(24,204,177,488)</b>	<b>(7,551,055,823)</b>
20. Thu nhập khác	31		141,918,150	73,906,407	566,064,179	743,185,904
21. Chi phí khác	32		77,364,277	69,433,388	124,612,878	290,883,904
<b>22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>64,553,873</b>	<b>4,473,019</b>	<b>441,451,301</b>	<b>452,302,000</b>
<b>23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>9,837,204,552</b>	<b>651,738,579</b>	<b>(23,762,726,187)</b>	<b>(7,098,753,823)</b>
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	98,855,286	-	98,855,286
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50)</b>	<b>60</b>		<b>9,837,204,552</b>	<b>552,883,293</b>	<b>(23,762,726,187)</b>	<b>(7,197,609,109)</b>

*Trang*

Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2018

*Mai*

Nguyễn Hoàng Mai  
 Kế toán trưởng



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Trọng Dũng*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 3 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B 03a-DNPNT**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2018	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1	995,441,376,984	643,499,428,500
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	2	(847,523,306,091)	(517,409,837,909)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	3	(77,555,806,026)	(69,406,725,313)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	4	(928,420,996)	(173,333,333)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	5	(1,922,570,809)	(8,076,724)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6	46,890,899,499	321,429,304,527
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	7	(92,199,493,595)	(366,325,060,136)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>22,202,678,966</b>	<b>11,605,699,612</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	21	-	(2,529,497,709)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	22	11,468,859	554,545,454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	23	(510,000,000,000)	(791,055,500,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24	481,250,950,000	515,297,400,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	25	(108,659,998,500)	(282,495,000,000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27	45,139,644,095	25,729,185,385
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>(92,257,935,546)</b>	<b>(534,498,866,870)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	31	-	300,000,000,000
2. Tiền thu từ đi vay	33	33	-	20,000,000,000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	34	(159,546,608,317)	(20,000,000,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	36	-	(5,200,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>(79,546,608,317)</b>	<b>294,800,000,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>50</b>	<b>(149,601,864,897)</b>	<b>(228,093,167,258)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>60</b>	<b>288,666,117,694</b>	<b>294,534,377,663</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	61	228,034,956	64,094,590
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)</b>	<b>70</b>	<b>70</b>	<b>139,292,287,753</b>	<b>66,505,304,995</b>

*Nguyễn Thị Quỳnh Trang*

Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2018

*Nguyễn Hoàng Mai*

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Trọng Dũng*



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 800 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 là 852 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 731 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và ba mươi ba (33) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi, Bảo hiểm Hàng không Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An, Sở Giao dịch, VNI Thái Nguyên, VNI Trảng An, VNI Hà Thành, VNI Vũng Tàu và Sở Giao dịch 2

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:  
**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

***Các khoản đầu tư tài chính******Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[ \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các công ty này ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2018</b>
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ**

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

*Dự phòng phí chưa được hưởng:*

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

*Dự phòng dao động lớn:* Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

**Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe**

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm)*

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

*Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.*

*- Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

#### Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

#### Ghi nhận doanh thu

##### *Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

##### *Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm*

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

#### Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

#### Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu kỳ</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	2,284,169,561	1,965,150,465
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	136,922,154,192	271,700,967,229
Tiền đang chuyển	85,964,000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	-	15,000,000,000
	<b>139,292,287,753</b>	<b>288,666,117,694</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>278,888,283,609</b>	<b>(4,151,138,430)</b>	<b>482,626,985,996</b>	<b>(278,500,540)</b>
- Tổng giá trị cổ phiếu	41,888,283,609	(4,151,138,430)	11,126,985,996	(278,500,540)
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>237,000,000,000</b>	-	<b>471,500,000,000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	237,000,000,000	-	471,500,000,000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>613,543,694,884</b>	<b>(377,564,521)</b>	<b>493,883,696,384</b>	-
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>25,000,000,000</b>	-	<b>14,000,000,000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	10,000,000,000	-	14,000,000,000	-
- Trái phiếu (iii)	15,000,000,000	-	-	-
<b>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>57,540,000,000</b>	-	<b>57,540,000,000</b>	-
- Đầu tư vào công ty liên kết (iv)	55,550,000,000	-	55,550,000,000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (v)	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
<b>b) Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>531,003,694,884</b>	<b>(377,564,521)</b>	<b>422,343,696,384</b>	-
- Đầu tư mua cổ phiếu OTC (vi)	531,003,694,884	(377,564,521)	422,343,696,384	-

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2018 tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(iii) Thẻ hiện khoán mua trái phiếu niêm yết của ANBINHCITY với kỳ hạn 02 năm từ ngày 10/07/2018 đến ngày 10/07/2020

(iv) Thẻ hiện khoán đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp với số tiền: 55,550,000,000 VND tương đương tỷ lệ góp vốn 25% vốn điều lệ.

(v) Thẻ hiện khoán góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, số tiền 1.990.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm.

(vi) Thẻ hiện khoán mua cổ phiếu của các Công ty:

Tên Công ty	Số tiền (VND)
Công ty CP Điện cơ Thống Nhất	131,945,681,850
Công ty CP Armephaco	57,898,014,534
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	232,500,000,000
Công ty CP Kinh doanh đầu tư Việt Hà	108,659,998,500
<b>Tổng</b>	<b>531,003,694,884</b>

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu phí bảo hiểm gốc</b>	<b>51,105,123,570</b>	<b>49,553,993,649</b>
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	45,269,774,121	30,720,001,800
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	5,835,349,449	18,833,991,849
+ Công ty bảo hiểm PVI	1,364,604,715	16,794,260,937
+ Công ty bảo hiểm khác	4,470,744,734	2,039,730,912
<b>b) Phải thu phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>16,281,139,459</b>	<b>14,106,771,921</b>
<b>c) Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>52,490,311,002</b>	<b>21,902,725,189</b>
<b>d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đũa bảo hiểm</b>	<b>903,269,853</b>	<b>791,476,396</b>
<b>e) Phải thu khác</b>		<b>1,483,429,900</b>
	<b><u>120,779,843,884</u></b>	<b><u>87,838,397,055</u></b>

**8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	43,155,858,321
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	18,163,422,362	15,362,911,094
Phải thu khác	-	4,162,035,932
	<b><u>56,523,321,683</u></b>	<b><u>62,680,805,347</u></b>

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi của khoản đầu tư trên với giá trị lần lượt là 21.948.415.169 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>294,719,064,192</b>	<b>40,264,874,166</b>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	34,646,531	68,106,133
Tạm ứng	13,173,229,802	1,454,871,118
Phải thu ngắn hạn khác	281,511,187,859	38,741,896,915
- Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước	-	14,625,000,000
- Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ (i)	176,000,000,000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T (ii)	104,372,602,740	23,277,260,274
- Khác	1,138,585,119	839,636,641
<b>b) Dài hạn</b>	<b>11,030,410,634</b>	<b>10,353,473,938</b>
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	4,030,410,634	3,353,473,938
	<b>305,749,474,826</b>	<b>50,618,348,104</b>

(i) Thể hiện khoản Tổng Công ty chuyển cho Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ theo thỏa thuận đặt cọc tìm kiếm trụ sở văn phòng số 01/2018TTĐC/VNI-Artexport, số tiền là 175.000.000.000 đồng và lãi dự thu theo thỏa thuận là 1.000.000.000 đồng (10%)

(ii) Thể hiện khoản tiền 100.000.000.000 VND chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T và khoản lợi nhuận hợp tác ước tính 4.372.602.740 theo thỏa thuận Hợp tác kinh doanh khai thác “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà ở và dịch vụ thương mại” số 01/2018/HĐHT/CKĐT-VNI giữa Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T và Tổng Công ty ngày 13/04/2018. Theo thỏa thuận, lợi nhuận hợp tác được căn cứ vào tình hình triển khai và khai thác dự án thực tế nhưng Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T đảm bảo mức chi trả lợi nhuận hợp tác tối thiểu 10,00%/năm tính trên số tiền hợp tác, tính theo số ngày thực tế mà Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T nắm giữ số tiền hợp tác do Tổng Công ty chuyển.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
**Báo cáo tài chính Quý 3**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT****10. NỢ XẤU**

	9/30/2018		12/31/2017	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	43,573,698,833	37,679,179,215	47,751,847,311	37,442,150,376
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	33,272,401,590	43,155,858,321	33,272,401,590
Các đối tượng khác	5,213,799,512	4,406,777,625	4,595,988,990	4,169,748,786

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 09 năm 2018:

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Phí bảo hiểm gốc	664,424,757	596,077,818	146,285,494	3,807,011,443	5,213,799,512
<b>Cộng</b>	<b>664,424,757</b>	<b>596,077,818</b>	<b>146,285,494</b>	<b>3,807,011,443</b>	<b>5,213,799,512</b>

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính Quý 3  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
<b>1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	16,259,042,027	12,098,725,498
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	26,892,510,748	32,993,833,987
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(25,439,456,598)	(28,833,517,458)
<b>- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm</b>	<b>17,712,096,177</b>	<b>16,259,042,027</b>
<b>2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,237,522,889	1,500,832,974
	<b>18,949,619,066</b>	<b>17,759,875,001</b>

**12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	128,567,277,081	97,305,273,933
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	199,690,064,874	123,958,236,832
	<b>328,257,341,955</b>	<b>221,263,510,765</b>

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	10,665,654,045	11,853,483,091	22,519,137,136
Mua sắm mới	-	32,500,000	32,500,000
Thanh lý, nhượng bán	(581,104,217)	-	(581,104,217)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10,084,549,828</b>	<b>11,885,983,091</b>	<b>21,970,532,919</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	5,497,937,887	10,094,510,156	15,592,448,043
Trích khấu hao	716,784,302	612,217,187	1,329,001,489
Thanh lý, nhượng bán	(581,104,217)	-	(581,104,217)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5,633,617,972</b>	<b>10,706,727,343</b>	<b>16,340,345,315</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	5,167,716,158	1,758,972,935	6,926,689,093
Tại ngày cuối kỳ	4,450,931,856	1,179,255,748	5,630,187,604

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	1,750,350,000	1,750,350,000
Số dư cuối kỳ	1,750,350,000	1,750,350,000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	1,273,827,240	1,273,827,240
Trích khấu hao	86,013,837	57,027,489
Số dư cuối kỳ	1,359,841,077	1,359,841,077
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	476,522,760	476,522,760
Tại ngày cuối kỳ	390,508,923	390,508,923

**15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>130,617,884,101</b>	<b>94,325,238,438</b>
Công ty Willis Singapore	43,269,148,473	34,433,487,443
Công ty Willis London	13,987,731,096	14,793,183,763
Công ty Korean Re	19,386,850,456	16,131,576,882
AON Benfield Asia PTE Ltd	26,530,327,939	9,005,418,813
Các khoản phải trả công ty nhận tái bảo hiểm khác	27,443,826,137	19,961,571,537
<b>b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>4,304,178,398</b>	<b>2,519,453,191</b>
<b>c) Phải trả bồi thường bảo hiểm</b>	<b>20,748,298,418</b>	<b>14,114,149,667</b>
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	4,825,504,626	4,844,989,478
Các khoản phải trả khách hàng khác	15,922,793,792	9,269,160,189
<b>d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm</b>	<b>2,452,743,716</b>	<b>2,142,830,787</b>
<b>e) Phải trả khác</b>	<b>2,747,598,445</b>	<b>1,432,313,265</b>
	<b>160,870,703,078</b>	<b>114,533,985,348</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Các khoản phải nộp	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	BƯ TRƯ VỚI SỐ	Số cuối kỳ VND
				phải thu trong kỳ	
Thuế GTGT	7,084,065,757	59,346,197,078	59,198,006,439	-	7,232,256,396
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,922,570,809	-	1,922,570,809	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	352,011,654	2,907,476,310	2,993,446,712	-	266,041,252
Thuế nhà thầu nước ngoài	23,781,080	91,810,869	115,591,949	-	-
Thuế, phí phải nộp khác	836,331,568	715,251,413	1,402,466,696	-	149,116,285
	<b>10,218,760,868</b>	<b>63,060,735,670</b>	<b>65,632,082,605</b>	<b>-</b>	<b>7,647,413,933</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	24,685,533,444	7,812,612,599
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	51,187,709,085	60,515,348,843
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(43,202,551,183)	(43,642,427,998)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<b>32,670,691,346</b>	<b>24,685,533,444</b>
<b>2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả bảo hiểm xã hội	110,539,804	153,383,201
Phải trả bảo hiểm y tế	14,153,837	19,939,431
Phải trả kinh phí công đoàn	1,081,849,072	511,071,187
Phải trả các cổ đông	15,014,413,900	214,413,900
Phải trả khác	2,247,482,900	1,113,108,927
	<b>18,468,439,513</b>	<b>2,011,916,646</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 3**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>	<b>329,050,711,772</b>	<b>199,690,064,874</b>	<b>129,360,646,898</b>
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	303,005,189,767	191,993,754,148	111,011,435,619
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	26,045,522,005	7,696,310,726	18,349,211,279
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học</b>	<b>435,272,439,933</b>	<b>128,567,277,081</b>	<b>306,705,162,852</b>
<b>Cộng</b>	<b>764,323,151,705</b>	<b>328,257,341,955</b>	<b>436,065,809,750</b>

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
	Số dư đầu kỳ	222,800,122,138	123,958,236,832
Số trích lập trong kỳ	106,250,589,634	75,731,828,042	30,518,761,592
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>329,050,711,772</b>	<b>199,690,064,874</b>	<b>129,360,646,898</b>

2. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng toán học	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
	Số dư đầu kỳ	331,353,087,008	97,305,273,933
Số trích lập trong kỳ	103,919,352,925	31,262,003,148	72,657,349,777
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>435,272,439,933</b>	<b>128,567,277,081</b>	<b>306,705,162,852</b>

**3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Số dư đầu kỳ	<b>39,630,673,870</b>	<b>34,875,853,476</b>
Số trích lập thêm trong kỳ	4,649,723,175	4,754,820,394
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>44,280,397,045</b>	<b>39,630,673,870</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</b>				
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>500,000,000,000</b>	<b>9,892,570,140</b>	<b>5,951,896,171</b>	<b>515,844,466,311</b>
Tăng vốn trong kỳ	300,000,000,000	-	-	300,000,000,000
Lỗ trong kỳ	-	-	(7,197,609,109)	(7,197,609,109)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(325,531,307)	(325,531,307)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(5,200,000,000)	(5,200,000,000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>9,892,570,140</b>	<b>(6,771,244,245)</b>	<b>803,121,325,895</b>
<b>Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018</b>				
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>10,985,112,079</b>	<b>15,232,765,530</b>	<b>826,217,877,609</b>
Lỗ trong kỳ	-	-	(23,762,726,187)	(23,762,726,187)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(432,765,530)	(432,765,530)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(14,800,000,000)	(14,800,000,000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>10,985,112,079</b>	<b>(23,762,726,187)</b>	<b>787,222,385,892</b>

**Chi tiết nguồn vốn kinh doanh**

	Vốn góp tại ngày cuối kỳ		Vốn góp tại ngày đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần HUM	72,000,000,000	9%	72,000,000,000	9%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	72,000,000,000	9%	72,000,000,000	9%
Ông Phạm Ngọc Lâm	72,000,000,000	9%	72,000,000,000	9%
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	72,000,000,000	9%	72,000,000,000	9%
Cổ đông khác	512,000,000,000	64%	512,000,000,000	64%
	<b>800,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>100%</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	<b>Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2018</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phí bảo hiểm gốc</b>	<b>633,541,173,276</b>	<b>439,886,125,080</b>
Bảo hiểm hàng không	41,109,823,117	36,421,656,678
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	30,121,099,692	17,991,870,867
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	33,865,966,935	31,688,196,033
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	20,905,538,180	17,884,264,444
Bảo hiểm xe cơ giới	469,032,881,883	307,859,814,430
Bảo hiểm cháy nổ	31,801,544,275	21,396,651,446
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3,912,057,160	3,861,185,152
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2,522,466,391	2,584,755,450
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	269,795,643	197,730,580
<b>Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc</b>	<b>(298,023,807)</b>	<b>(133,754,641)</b>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>25,697,177,572</b>	<b>25,157,248,600</b>
Bảo hiểm hàng không	-	(715,221,363)
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	16,856,611,875	12,818,584,150
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	5,661,458,243	8,024,599,156
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	323,499,667	166,766,049
Bảo hiểm cháy nổ	1,226,565,010	2,152,623,327
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,614,395,930	2,570,874,888
Bảo hiểm trách nhiệm chung	8,800,101	119,581,657
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	5,846,746	19,440,736
<b>Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(27,089,773)</b>	<b>(10,794,853)</b>
<b>(Tăng) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(103,919,352,925)</b>	<b>(58,017,021,643)</b>
	<b>554,993,884,343</b>	<b>406,881,802,543</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	<b>Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2018</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>193,940,905,338</b>	<b>135,915,274,973</b>
Bảo hiểm hàng không	40,456,552,007	34,880,650,785
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	25,407,372	-
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	22,224,319,521	17,707,847,023
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	13,523,240,103	9,602,027,238
Bảo hiểm xe cơ giới	92,023,185,945	54,478,353,593
Bảo hiểm cháy nổ	23,441,680,974	17,340,529,257
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,579,234,531	1,231,968,280
Bảo hiểm trách nhiệm chung	435,423,745	499,962,039
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	231,861,140	173,936,758
<b>(Tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(31,262,003,148)</b>	<b>(9,631,249,593)</b>
	<b>162,678,902,190</b>	<b>126,284,025,380</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2018	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Tổng chi bồi thường</b>	<b>201,119,918,702</b>	<b>127,449,349,242</b>
Bảo hiểm hàng không	7,410,969,289	22,450,188,028
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	20,987,786,419	10,665,321,196
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	7,230,733,899	7,450,627,095
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	1,251,961,197	2,817,708,981
Bảo hiểm xe cơ giới	155,262,252,436	80,700,552,672
Bảo hiểm cháy nổ	6,918,135,327	1,438,431,678
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,075,796,228	1,315,996,996
Bảo hiểm trách nhiệm chung	632,459,017	610,522,596
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	349,824,890	-
<b>Chi phí giảm định tổn thất</b>		-
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(59,637,989,508)</b>	<b>(35,687,043,998)</b>
<b>Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>106,250,589,634</b>	<b>28,286,731,944</b>
<b>(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(75,731,828,042)</b>	<b>(1,109,375,925)</b>
	<b>172,000,690,786</b>	<b>118,939,661,263</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT****23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2018	Kỳ trước (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	25,439,456,598	20,734,229,108
Chi đòi người thứ ba	-	15,992,839
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	409,090,909	30,219,006
Chi để phòng hạn chế tổn thất	705,330,830	288,291,819
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	3,324,254,757	2,161,846,889
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	160,670,890,511	98,662,660,056
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	79,434,270,046	60,826,010,515
Chi khác	223,642,718	196,088,002
	<b>270,206,936,369</b>	<b>182,915,338,234</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19,780,135,466	13,916,808,292
Lãi đầu tư trái phiếu	320,136,986	1,972,557,374
Lãi kinh doanh chứng khoán	4,810,069,193	10,857,543,966
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12,173,825,000	5,373,695,089
Lãi chênh lệch tỷ giá	364,690,374	339,101,344
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	22,204,714,480	10,778,538,812
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2,840,416,555
	<b>59,653,571,499</b>	<b>46,078,661,432</b>

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	4,250,202,411	(4,368,422,762)
Chi phí đầu tư chứng khoán	5,307,002,618	6,972,065,976
Chi phí lãi vay	928,420,996	173,333,333
Lỗ chênh lệch tỷ giá	22,838,754	59,585,881
Chi phí hoạt động tài chính khác	41,117,839	(128)
	<b>10,549,582,618</b>	<b>2,836,562,300</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 3/2018</b>	<b>Kỳ trước (Phân loại lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	34,074,492,736	27,554,083,721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19,957,377,744	16,392,678,776
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	237,028,839	256,334,289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,415,015,326	1,455,487,724
Chi phí dụng cụ văn phòng	4,237,994,046	3,339,337,239
Chi phí vật liệu quản lý	1,873,480,600	1,158,371,720
Thuế, phí và lệ phí	352,801,862	540,221,822
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	354,572,325	467,916,899
Chi phí quản lý khác	332,189,336	539,341,165
	<b>62,834,952,814</b>	<b>51,703,773,355</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(23,762,726,187)</b>	<b>(7,098,753,823)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(12,173,825,000)	(5,373,695,089)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	404,612,877	477,788,333
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(35,531,938,310)</b>	<b>(11,994,660,579)</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước vào CP thuế TNDN của năm hiện hành		98,855,286
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>98,855,286</b>

Khoản điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ trước 98.855.286 là số thuế TNDN Tổng Công ty phải nộp tăng thêm theo quyết định của Cục thuế Thành phố Hà Nội truy thu tăng năm 2015 và 2016.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

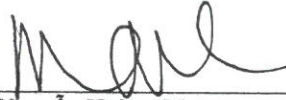
Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ 9 tháng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính kỳ hoạt động 9 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Tổng Công ty phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Mã số	Kỳ trước		
		Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</b>				
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	194,408,924,080	(11,493,585,846)	182,915,338,234
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	173,674,694,972	(11,493,585,846)	162,181,109,126
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40,210,187,509	11,493,585,846	51,703,773,355


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2018


Nguyễn Hoàng Mai  
Kê toán trưởng
  
 Tổng Giám đốc

Trần Trọng Dũng